

Bản án: 54/2022/HNGĐ-ST

Ngày 01/7/2022

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình - Xin ly hôn, nuôi
con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh

Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên Tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng: Không tham gia phiên tòa

Ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 281/2022/TLST - HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2022 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số : 100/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa:

1.*Nguyên đơn:* Chị Lê Bích T, sinh năm: 1979; địa chỉ: khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh K (có mặt).

2.*Bị đơn:* Anh Lương Văn C, sinh năm: 1978; địa chỉ: khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh K (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2022 nguyên đơn chị Lê Bích T trình bày: Chị và anh C trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào ngày 13/6/1996, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình không còn phù hợp, thường xuyên cự cãi nhau, đã nhiều lần cho nhau cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị thấy rằng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C; Về con chung: Có 03 con chung tên Lương Hoàng T, sinh ngày 07/5/1997, Lương

Hoàng Tr, sinh ngày 07/6/2001 và Lương Bích T, sinh ngày 19/8/2004, con tên T và Tr đã trưởng thành, con tên T hiện đang ở với chị, con theo ai thì người đó nuôi không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa anh Lương Văn C trình bày: Anh thừa nhận lời trình trên của chị T về hôn nhân, con chung, tài sản chung. Hiện nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn, cuộc sống vợ chồng không còn phù hợp, không có tiếng nói chung, nay chị T xin ly hôn anh cũng đồng ý; Về con chung con tên T, và Tr đã trưởng thành, con tên T hiện nay đang ở với chị T, con theo ai thì người đó nuôi, nhưng trách nhiệm thì anh và chị đều phải có trách nhiệm chung trong việc nuôi dạy con cái, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Bích T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn, nuôi con chung” giữa chị và anh C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị T và anh C trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 1996. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn với lý do tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi nhau, đã nhiều lần cho nhau cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử thấy rằng chị T và anh C có làm đám cưới với nhau vào năm 1996 nhưng kể từ khi cưới nhau cho đến nay thì anh - chị không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn mà sống chung với nhau như vợ chồng. Sau đó, sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay là không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, hôn nhân của chị T và anh C không được pháp luật thừa nhận. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; tuyên bố không công nhận chị Lê Bích T và anh Lương Văn C là vợ chồng.

{2.2} Về con chung: Anh – chị xác định có 03 người con chung tên Lương Hoàng T, sinh ngày 07/5/1997, Lương Hoàng Tr, sinh ngày 07/6/2001 đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết. Con tên Lương Bích T, sinh ngày 19/8/2004 hiện đang ở với chị T, chị T và anh C đều có ý kiến con theo ai thì người đó nuôi không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị T và anh C sống ly thân cho đến nay cháu T sống với chị T, chị vẫn chăm sóc cho cháu phát triển tốt về mặt thể chất và tinh thần. Mặt khác, cũng xét đến nguyện vọng của con sau khi cha mẹ xin ly hôn cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy sự tự nguyện của cháu T không bị ép buộc, đồng thời anh C cũng đồng ý

giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên cần được ghi nhận sự thỏa thuận trên của chị T và anh C.

Anh C có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

{2.3} Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Lê Bích T phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 8319 ngày 09/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự ; khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1.Về hôn nhân : Tuyên bố không công nhận chị Lê Bích T và anh Lương Văn C là vợ chồng.

2.Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận anh Lương Văn C giao cháu Lương Bích T, sinh ngày 19/8/2004 cho chị Lê Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung ; nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí : Án phí ly hôn sơ thẩm chị Lê Bích T phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 8319 ngày 09/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị T đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; chị Lê Bích T được tính kể ngày tuyên án (ngày 30/6/2022). Anh Lương Văn C được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Nơi nhận:

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục thi hành án;
- Đường sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên